

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN CÁI RĂNG  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2020/DSST.**

Ngày: **24/8/2020**

V/v “tranh chấp HĐ vay TS”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Phạm Thanh Thanh**.

2/ Ông **Nguyễn Văn Mến**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Bích Trương**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2020/TLST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2020. Về tranh chấp “**Hợp đồng vay tài sản**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2020/QĐXXST, ngày 30 tháng 7 năm 2020. Giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn**: Ông **TRẦN VĂN K**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: số 43, KV T L, P. P T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ. (Có mặt)

2- **Bị đơn**: Ông **LÊ THIÊN C**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 13A, KV. P K, P. P T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ. (Có mặt)

3- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

- Bà **PHẠM THỊ TUYẾT N**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: số 43, KV T L, P. P T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ. (Có mặt)

- Bà **NGUYỄN THỊ V**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 13A, KV. P K, P. P T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ. Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 22/7/2020.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2020 thì nguyên đơn có cho ông Lê Thiện C vay số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Hai bên có viết Hợp đồng vay tiền ngày 03/02/2016, thỏa thuận lãi 5%/ tháng và thời hạn vay là 01 tháng. Nhưng từ khi vay đến nay ông C chỉ đóng lãi được 5 tháng với số tiền là 2.500.000 đồng. Từ tháng 8/2016 đến nay, ông C không trả vốn và lãi theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông C trả số nợ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo qui định, tự nguyện căn trừ số tiền lãi đã trả 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Bị đơn ông Lê Thiện C thừa nhận đã vay của nguyên đơn số nợ là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Thừa nhận có ký tên trong Hợp đồng vay tiền ngày 03/02/2016 như nguyên đơn trình bày (BL 10). Bị đơn thống nhất đã trả được 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền lãi như nguyên đơn trình bày. Ông cũng đồng ý trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng do hoàn cảnh kinh tế hiện khó khăn. Bị đơn cũng yêu cầu nguyên đơn căn trừ lại 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền lãi đã đóng.

Người liên quan Phạm Thị Tuyết N thống nhất yêu cầu của nguyên đơn.

Người liên quan Nguyễn Thị V thừa nhận vợ chồng có vay và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng do hoàn cảnh kinh tế hiện khó khăn xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng. Đồng thời cũng yêu cầu điều chỉnh và căn trừ lại tiền lãi đã đóng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi bị đơn có trách nhiệm trả số nợ gốc **10.000.000 đồng** (Mười triệu đồng), yêu cầu tính lãi suất theo qui định. Phía bị đơn đồng ý trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng. Hai bên thống nhất điều chỉnh lãi suất theo qui định và khấu trừ số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền lãi đã trả trước đó.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Việc vay mượn tiền giữa các đương sự được lập bằng văn bản là Hợp đồng vay tiền ngày 03/02/2016 gốc (BL 10) thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nên xem đây là hợp đồng vay tài sản. Bên vay có nghĩa vụ phải trả cho bên cho vay tài sản theo thỏa thuận. Giữa hai bên không thực hiện đúng thỏa thuận nên xảy ra tranh chấp. Xét đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về số nợ gốc, quá trình giải quyết vụ kiện cũng như tại tòa hôm nay cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định ông Lê Thiện C có vay của ông Trần Văn K số nợ gốc là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Tại Biên bản hòa

giải ngày 10/6/2020 và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cùng ngày 10/6/2020 (BL 51-54), cũng như tại tòa hôm nay ông C cũng thừa nhận chữ ký tên người vay tiền trong Hợp đồng vay tiền ngày 03/02/2016 (BL 10) bản gốc là do chính ông viết và ký tên. Cả hai bên đều xác định từ khi vay đến nay, bị đơn chưa trả nợ gốc. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn số tiền **10.000.000 đồng** (Mười triệu đồng).

[3] Về lãi suất: Trong Hợp đồng vay tiền ngày 03/02/2016 (BL 10) ngoài việc thể hiện số tiền vay, thời hạn trả 01 tháng và thể hiện lãi suất 5%/tháng nên xem đây là trường hợp vay có kỳ hạn và có lãi theo Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự. Lãi suất hai bên thỏa thuận là vượt quá mức lãi suất qui định cho phép nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp và cũng đảm bảo quyền lợi cho các bên. Nên tiền lãi tính từ khi vay đến ngày xét xử 24/8/2020 cụ thể như sau:

- Từ 03/02/2016 đến 31/12/2016 là 10 tháng 28 ngày, mức lãi suất qui định 9%/năm (**0,75%/tháng**):  $10.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 820.000 \text{ đồng}$ .

- Từ 01/01/2017 đến 24/8/2020 là 43 tháng 23 ngày, mức lãi suất qui định (20%/năm) tức **1,67%/tháng**:  $10.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 43 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 7.309.000 \text{ đồng}$ .

Như vậy, tổng số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 820.000 đồng + 7.309.000 đồng = 8.129.000 đồng. Hai bên thống nhất căn trừ số tiền lãi đã đóng 5%/tháng  $\times 10.000.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ tháng} = 2.500.000 \text{ đồng}$ , nên số tiền lãi mà bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là: 8.129.000 đồng – 2.500.000 đồng = **5.629.000 đồng** (Năm triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn đồng).

[4] Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh. Tuy nhiên, kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 5% (10.000.000 đồng + 5.629.000 đồng) = 781.500 đồng (Bảy trăm tám mươi một ngàn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, 161, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Điều 463, 466, 468, 470 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay của ông **Trần Văn K.** Buộc ông **Lê Thiện C** và bà **Nguyễn Thị V** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn K số nợ gốc 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và nợ lãi 5.629.000 đồng (Năm triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn đồng), tổng cộng là **15.629.000 đồng** (Mười lăm triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn đồng) khi án có hiệu lực.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Bị đơn **Lê Thiện C** và bà **Nguyễn Thị V** phải chịu 781.500 đồng (Bảy trăm tám mươi một ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự theo giá ngạch.

Nguyên đơn **Trần Văn K** được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 775.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai số 005892 ngày 14/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng.

3/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên các đương sự có mặt được quyền kháng cáo và kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND P. Phú Thứ hoặc từ khi nhận được bản án bà **Nguyễn Thị V** được quyền kháng cáo để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

---

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND Q. Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

**Thái Mỹ Nhung**







